

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Định
2. Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị G, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2019 cũng như tại phiên tòa chị Trịnh Thị G trình bày:*

Chị và anh T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 25/12/2018. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay.

Xét thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trịnh Thị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Huỳnh Văn T. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh T có địa chỉ tại ấp N, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có tổng đạt hợp lệ cho anh T, nhưng anh T không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị G và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh T, nhưng anh T vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị G và anh Huỳnh Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 25/12/2018. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị G cho rằng thời gian chung sống giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay, nên chị G yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để chị G và anh T có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình

nhưng không có kết quả do anh T vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Trịnh Thị G và anh Huỳnh Văn T được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị G xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận hiện tại không ai khiếu kiện chị G và anh T về nợ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị G phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị G và anh Huỳnh Văn T được ly hôn.
2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trịnh Thị G phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 23 tháng 12 năm 2019 chị G có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0010829 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.
3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Khoa

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Công Định – Nguyễn Tấn Lộc

Nguyễn Thị Khoa